

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11-10-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Bình.

2. Ông Nguyễn Sơn Tùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Chí T, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã 1, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã L, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

3. Người làm chứng:

3.1 Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959. Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã 1, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

3.2 Bà Ngô T, sinh năm 1964. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã L, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3.3 Ông Nguyễn Công N, sinh năm 1962. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã L, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2018 và trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn anh Trần Chí T, trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L cưới nhau vào năm 2010, không nhớ ngày tháng, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/5/2010 tại Ủy ban nhân dân xã 1, huyện HN. Hôn nhân do mai mối nhưng anh cũng đồng ý cưới chị L. Sau khi cưới anh và chị L cùng sống chung gia đình anh. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Đến năm 2017 không nhớ ngày tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, vì chị L bề nợ hai lần, anh đứng ra trả nợ cho chị L nên vợ chồng cự cãi nhau nên chị L về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng không còn sống chung từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay, anh không biết tại sao chị L thiếu nợ và khi biết chị L thiếu nợ anh cũng không hỏi chị L mượn tiền người ta để làm gì nhưng sau đó anh nghe gia đình nói lại là chị L thừa nhận thiếu nợ là do đánh số. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Từ lúc không còn sống chung anh và chị L có gặp nhau, cha mẹ hai bên cũng động viên tạo điều kiện để anh và chị L hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, anh yêu cầu được ly hôn với vợ là chị Nguyễn Thị L.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn chị Nguyễn Thị L, trình bày: Chị và anh Trần Chí T cưới nhau vào năm 2011, không nhớ ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã 1, huyện HN, tỉnh ĐT. Sau khi cưới hai vợ chồng sống bên gia đình anh T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2017 chị và anh T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, không còn tình thương, chị phải vừa học liên thông lên Đại học vừa phải lo cho con nên chị mượn tiền người quen để lo việc học, mua sữa cho con và không có khả năng trả nợ nên anh T đã trả nợ thay cho chị, việc chị bề nợ không phải do đánh số, đánh bài. Sau đó, chị về nhà cha mẹ ruột tại xã L ở thì đến Tết nguyên đán năm 2018 thì mẹ chồng kêu chị về nhà và chị về nhà chồng ở chưa được 01 tháng thì chị lại về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Chị và anh T không còn sống chung từ tháng 02/2018 đến nay. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Từ lúc không còn sống chung vợ chồng có gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn tình cảm nhưng không hàn gắn được. Nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị thống nhất ly hôn.

2. Về nuôi con chung:

Nguyên đơn anh Trần Chí T, trình bày: Vợ chồng anh chung sống có một con chung là con trai Trần Chí H, sinh ngày 13/3/2012, hiện nay con chung đang sống với chị L, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Gia đình anh có khoảng 76 công đất ruộng, hiện đã chuyển nhượng cho riêng anh được 20 công, thu hoạch mỗi mùa vụ lợi nhuận được khoảng từ 1.500.000đ - 2.000.000đ/công, tiền anh đều cho mẹ ruột giữ hàng ngày để chi tiêu. Gia đình anh có 04 anh em, anh là con trai duy nhất trong nhà, 03 người em gái hiện có 02 người có gia đình riêng. Tiền học phí của con chung Chí H là do anh đóng, tiền ăn uống, quần áo là cha mẹ anh lo còn tiền sữa thì do chị L lo. Từ khi vợ chồng không còn sống chung từ tháng 7/2017 thì từ thứ 2 đến thứ 6 con chung Chí H ở với anh và ông bà nội, đến chiều thứ 6, thứ bảy, chủ nhật thì chị L đến rước về

nhà ngoại ở nhưng đến tháng 5/2018 do con chung Chí H được nghỉ hè nên chị L đem về nhà ngoại ở và đi học bán trú tại Trường tiểu học xã T cho đến nay, khi được nghỉ học thì chị L đưa con về nhà ông bà nội chơi. Anh thấy chị L chăm sóc con không tốt, ít có thời gian chăm sóc con, vì chị L dạy học ngày hai buổi, ban đêm còn phải làm giáo án.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L, trình bày: Chị thống nhất lời trình bày của anh T về con chung. Hiện con chung Chí H sống cùng chị bắt đầu từ thời gian nghỉ hè là tháng 5/2018 cho đến nay. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị là giáo viên dạy học tại trường mẫu giáo 1, lương mỗi tháng được 6.525.322đ nên chị có khả năng nuôi dưỡng con tốt hơn anh T. Chị có nợ Ngân hàng nhưng chỉ còn khoảng 10 tháng nữa là trả xong, mỗi tháng trả khoảng 1.900.000đ. Anh T nói chị chăm sóc con không tốt là không đúng, chị đi dạy học cả ngày nhưng vẫn dành thời gian cho con, còn anh T đi làm ruộng có khi sáng đi sớm đến chiều tối mới về, có khi uống rượu về trễ, cả đêm không về nhà giao con cho cha mẹ ruột. Hiện con chung đang học bán trú, nếu chị đi dạy về trễ hoặc có việc gì thì chị ruột chị đến rước con dùm chị.

3. Về tài sản chung: Anh T và chị L thống nhất trình bày, vợ chồng chung sống có một chiếc xe tay ga hiệu Airblade Biển số 66G1 – 07984 do chị L đứng tên quyền sở hữu. Anh T và chị L thống nhất thỏa thuận chị L được sở hữu chiếc xe nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và cũng không yêu cầu ghi nhận trong Bản án, Quyết định của Tòa án.

4. Về nợ chung: Anh T và chị L thống nhất trình bày anh chị chung sống với nhau không có thiếu nợ ai và cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị N, trình bày: Bà là mẹ ruột của anh T, anh T hiện sống chung nhà với vợ chồng bà. Trong quá trình anh T, chị L chung sống thì chị L có thiếu nợ. Nguyên nhân là chị L cờ bạc, đánh bài, đánh số đề. Vì khi bề nợ chị L thừa nhận có cờ bạc nhưng lúc mượn tiền người ta thì chị L nói mượn cho mẹ ruột trị bệnh ung thư, bà có mời cha mẹ chị L lên nhà bà thì cha mẹ chị L nói không có trị bệnh gì hết. Chị L bề nợ hai lần, lần thứ nhất là 170.000.000đ, lần thứ hai hơn 10.000.000đ. Khi bề nợ lần thứ nhất thì chị L hứa không cờ bạc nữa, cha mẹ chị L năn nỉ sui gia, cha ruột chị L nói chị L còn dính líu cờ bạc thì cha mẹ không nhận nữa. Nhưng sau đó, chị L lại bề nợ lần hai nên bà kêu chị L về nhà cha mẹ ruột ở. Sau đó, thấy sui gia điện thoại năn nỉ nên bà đồng ý cho chị L trở về, chị L về nhà bà chưa được 01 tháng thì chị L nói anh T lạnh lùng, vợ chồng hết tình nghĩa nên chị L tự bỏ về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Lúc chị L sống chung nhà với bà hằng ngày chị L đi dạy hai buổi, cơm nước đều do bà lo chỉ có chủ nhật thì chị L ở nhà. Bà biết chị L đánh bài, đánh số ở gần trường học, chỗ chị L dạy học nhưng chị L nói đánh bài trên điện thoại. Bà thấy anh T, chị L đều có khả năng nuôi con nhưng chị L đánh bài, đánh số nên không thể giao con cho chị L, vì sợ bị ảnh hưởng. Hiện tại chị L đi dạy cả ngày nên không có thời gian chăm sóc con. Trước đây, khi bề nợ chị ruột thứ ba của chị L đi gặp từng chủ nợ để xin lãi và cho trả từ

từ, cha ruột chị L hứa bán đất trả nợ cho chị L nhưng chồng bà không đồng ý, gia đình bà nói vợ chồng anh T còn ở chung nhà nên để vợ chồng bà cho tiền trả. Sau đó, con gái bà thương cháu nên gửi tiền cho chị L trả nợ và không có tranh chấp nợ gì với chị L. Bà cũng không biết hiện giờ chị L còn thiếu nợ ai không, vợ chồng chị L có tài sản là 15 chỉ vàng cưới, trong đó bán 05 chỉ cho chị L đi học, còn 10 chỉ bán để mua xe cho chị L. Anh T thống nhất cho chị L chiếc xe. Ngoài ra, anh T có nuôi trâu nhưng đã bán hết để trả nợ lần thứ hai cho chị L. Vợ chồng bà có làm 30 công đất ruộng, anh T ở chung nhà nên tới mùa lúa cho tiền lời của 07 công đất cho anh T tiêu xài, vợ chồng bà không có sang bộ cho anh T phần đất nào hết. Bà ở nhà chỉ lo công việc nội trợ có thể phụ chăm sóc cháu H cho anh T, còn chị L thì đi dạy học hai buổi, còn anh chị sui thì tới mùa lúa thì vào đồng ở thị xã HN sinh sống, tiền sữa cho cháu nội bà, tiền quần áo, học phí phần lớn là do gia đình bà lo, chị L chỉ phụ một phần nhỏ. Việc vợ chồng anh T có mâu thuẫn nhưng bà và con dâu không xích mích gì hết, vẫn hòa thuận.

Bà Ngô N, trình bày: Bà là mẹ ruột của chị L. Hiện tại chị L và cháu Chí H đang sống với bà. Tháng 7/2017 chị L và anh Chí T cự cãi nhau nên ba mẹ chồng gửi chị L về nhà bà. Nguyên nhân vợ chồng cự cãi là do chị L vay tiền người khác để đi học, mua sữa cho con. Lúc chị L sống bên chồng ít về thăm và cũng không gửi tiền về cho bà, chị L dạy học hai buổi, còn nghỉ hè thì trực ở trường vào thứ bảy, chủ nhật. Bà nghe nói sắp tới chị L đi học nhưng không biết học gì, lúc cháu H ở nhà nội thì đi học từ thứ 2 đến thứ 6, chiều thứ 6 chị L đến rước về nhà bà đến sáng thứ 2 thì đưa cháu H lên trường học. Thường ngày chị L đi dạy đến 4 - 5 giờ chiều mới về nhà, bà nghe nói tựu trường này, chị L gửi cháu H học lớp bán trú ở trường T, chị L đi dạy về rồi rước cháu, còn bà thì về xã B, thị xã HN làm ruộng, không ở xã L nữa. Tiền lương cô giáo cũng đủ sống, không dư dả, chuyện ly hôn giữa chị L và anh T thì tùy vợ chồng chị L quyết định, còn chuyện nuôi con thì bà yêu cầu được nuôi cháu. Về tài sản và nợ chung vợ chồng chị L thì bà không biết, chuyện sui gia thì không mịch lòng, chị L sống với bà thì bà lo tiền ăn, điện nước thỉnh thoảng có tiền thì chị L đóng chứ không phải tháng nào cũng đóng, khi nào người ta góp tiền có chị L ở nhà thì chị L đóng, khi nào bà về thị xã HN thì chị L tự lo. Bà biết chị L thiếu nợ người ta một lần còn lần sau là nợ cũ còn lại. Nghe nói chị L nợ mấy chục triệu nhưng gia đình anh T đã trả hết. Chuyện chị L thiếu nợ thì gia đình sui gia không nói gì bà hết, cũng không kêu bà cùng trả, bà nghe chị L nói ba mẹ chồng có cho 07 công đất nhưng không biết cho luôn hay chỉ cho lợi nhuận.

Ông Nguyễn Công N, trình bày: Ông là cha ruột của chị L. Không nhớ ngày tháng năm chị L thiếu nợ nên bên sui trai điện cho ông hay, ông có lên nhà anh T nói chuyện. Nguyên nhân là chị L đi học, mua sữa cho con nên thiếu nợ, gia đình nhà chồng nghi ngờ chị L đánh bài nên ông có nói, sau này chị L có đánh bài thì ông sẽ giết chị L. Chị L thừa nhận thiếu nợ nhưng không thừa nhận cờ bạc. Lần thứ nhất bề nợ khoảng 110.000.000đ thì ông có nói để ông cầm cố đất trả nợ nhưng bên nhà chồng chị L nói để cho bên chồng chị L trả, chị L ở chung nhà chồng nhưng lãnh lương thì tự xài không có lấy tiền của chồng và cha mẹ chồng. Việc chị L bề nợ gia đình nhà chồng cũng không hay biết, ông có nghe gia đình chồng cho vợ chồng chị L 07 công đất nhưng sự việc ra sao thì ông cũng không rõ. Giữa hai

bên sui gia không có mịch lòng gì hết, ông thấy vợ chồng chị L không thể hàn gắn được. Nếu chị L nuôi con thì gửi vào trường bán trú, chị L đi làm cả ngày, vợ chồng ông có nhà ở xã B khi tới mùa vụ thì vào đó ở, ở nhà chỉ có chị L và con. Theo ông, cháu H sống với cha hay với mẹ cũng tốt nhưng vợ chồng chị L ly hôn nên chị L được nuôi con để được an ủi hơn, chứ ông cũng không tranh giành quyền nuôi cháu, để chị L nuôi con 01 - 02 năm đỡ buồn, ông nghĩ cháu H lớn lên cũng về nội sống, ông cũng có khuyên chị L giao con cho anh T nuôi, khi nào nhớ thì lên thăm nhưng quyền quyết định là do chị L. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng anh T, chị L thì ông không biết nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đương sự, người làm chứng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Chí T và chị Nguyễn Thị L. Về con chung Trần Chí H, sinh ngày 13/3/2012 đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh T nuôi dưỡng, vì anh T hiện đang sống chung với cha mẹ và gia đình làm 76 công đất ruộng, anh T được cho riêng 20 công nên cha mẹ anh T có thể phụ anh T chăm sóc cháu H và anh T có đủ điều kiện để nuôi con. Ngược lại, chị L là giáo viên Trường mẫu giáo, tại phiên tòa chị L trình bày lương của chị hơn 6.500.000đ/tháng, chị còn nợ tiền Ngân hàng, mỗi tháng phải trả nợ 1.970.000đ, chị phải đi dạy mỗi ngày 02 buổi, cha mẹ ruột thì ở xã B, chị sống một mình, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Chí T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa anh và chị Nguyễn Thị L. Đồng thời, chị L hiện đang cư trú tại ấp T, xã L, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người làm chứng bà Ngô N, ông Nguyễn Công N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt nhưng những người làm chứng đã có lời khai với Tòa án nên vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N, ông N phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Trần Chí T và chị Nguyễn Thị L được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã 1, huyện HN, tỉnh ĐT được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, anh T và chị L đều thừa nhận vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn nên sống không còn hạnh phúc và đã không còn sống chung từ tháng 7 năm 2017 cho

đến nay. Anh T, chị L đã gặp nhau nhiều lần, cha mẹ hai bên cũng tạo điều kiện để cho vợ chồng anh T, chị L đoàn tụ nhưng không được. Tòa án đã hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng cũng không thành. Điều này, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh Trần Chí T yêu cầu được ly hôn và chị Nguyễn Thị L cũng thống nhất ly hôn. Việc thống nhất thỏa thuận tình ly hôn giữa anh T và chị L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung:

Đối với con chung Trần Chí H, sinh ngày 13/3/2012. Anh T và chị L đều yêu cầu được nuôi dưỡng. Xét, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của anh Trần Chí T là chưa có căn cứ. Anh T cho rằng chị L không có thời gian chăm sóc con chung, vì chị L phải dạy học cả ngày trong khi anh T thừa nhận anh đi làm từ sáng đến chiều tối mới về nhà, khi vợ chồng còn sống chung lúc chị L đi dạy học thì việc chăm sóc con chung do cha mẹ anh thực hiện. Hội đồng xét xử nhận thấy, tuy chị L dạy học ngày hai buổi có thể ít có thời gian chăm sóc con nhưng trong thời gian chị L đem con chung Chí H về nuôi dưỡng từ tháng 5/2018 cho đến nay thì con chung Chí H được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Tại phiên tòa anh T, bà Thị N đều trình bày con chung được mẹ nuôi dưỡng sẽ tốt hơn nhưng vì chị L thiếu nợ là do đánh số nếu chị L nuôi dưỡng con sau này sợ bị ảnh hưởng xấu nhưng chị L không thừa nhận và anh T cũng không có chứng cứ chứng minh chị L thiếu nợ là do đánh số. Hội đồng xét xử nhận thấy anh T, chị L điều đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung Chí H như điều kiện ăn, ở, sinh hoạt, học tập, dạy dỗ, giáo dục con, tình cảm dành cho con, việc làm, thu nhập hàng tháng... nhưng chị L là giáo viên nên việc giáo dục con chung sẽ thuận lợi hơn so với anh T. Đồng thời, hiện tại con chung Chí H sống cùng chị L đã ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Chí H của anh T. Nghĩ nên, giao con chung Chí H cho chị L được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung Chí H phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị L tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét, đây là sự tự nguyện của chị L không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quyền thăm nom con chung: Anh Trần Chí T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Trần Chí T và chị Nguyễn Thị L đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cũng không yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận trong bản án. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4] Về nợ chung: Anh Trần Chí T và chị Nguyễn Thị L thống nhất trình bày nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc công nhận sự thỏa thuận tình ly hôn giữa anh T và chị L là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đối với ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Chí H cho anh T nuôi dưỡng là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn anh Trần Chí T chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003892 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự. Bị đơn chị Nguyễn Thị L không phải chịu tiền án phí ly hôn phù hợp với quy định tại Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 55, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận tình ly hôn giữa anh Trần Chí T và chị Nguyễn Thị L.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Không chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Trần Chí H, sinh ngày 13/3/2012 của anh Trần Chí T.

2.2 Giao con chung Trần Chí H, sinh ngày 13/3/2012 cho chị Nguyễn Thị L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.3 Anh Trần Chí T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L tự nguyện không yêu cầu. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Anh Trần Chí T chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0003892 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

3.2 Chị Nguyễn Thị Thùy L không phải chịu tiền án phí ly hôn.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- UBND xã 1.
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
đã ký

Nguyễn Thị Thùy Dung